TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2025/DS-ST
Ngày 27 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Anh T1**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp L, phường L, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 09-01-2025, có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà **Lâm Thị T2**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Huyền T3**. Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên

đơn bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Lâm Thị Anh T1 trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T có mở 02 dây hụi và cho bà Lâm Thị T2, chị Nguyễn Thị Huyền T3 tham gia chơi hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Mở ngày 20-10-2019 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 54 phần, bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 tham gia 02 phần.

- Phần 1: Bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 đóng được 07 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 8 vào ngày 30-5-2020 âm lịch, bà T2 và chị T3 hốt hụi được số tiền là 77.600.000 đồng. Khi hốt hụi xong bà T2 và chị T3 đóng được 33 lần hụi chết, đến ngày 30-02-2023 (âm lịch) còn lại 13 lần hụi chết thì bà T2 và chị T3 không đóng nữa. Phần này, bà T2 và chị T3 còn nợ 13 lần hụi chết với tổng số tiền là 26.000.000 đồng (hụi đã mãn).

- Phần 2: Bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 đóng được 41 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 42 vào ngày 30-02-2023 âm lịch bà T2 và chị T3 không đóng hụi thêm lần nào nữa.

Như vậy, ở dây hụi này, bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 còn thiếu chủ hụi bà M, ông T số tiền hụi là 26.000.000 đồng.

Dây 2: Ngày 10-8-2020 âm lịch, bà M và ông T có mở 01 dây hụi, 01 tháng khui 01 lần, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 52 phần, bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 tham gia 02 phần.

- Phần 1: Bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 đóng được 27 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 28 vào ngày 20-12-2022 âm lịch, bà T2 và chị T3 hốt hụi được số tiền là 75.800.000 đồng. Khi hốt hụi xong bà T2 và chị T3 đóng được 03 lần hụi chết, còn lại 21 lần hụi chết không đóng nữa. Phần này, bà T2 và chị T3 còn nợ 21 lần hụi chết với tổng số tiền là 42.000.000 đồng (hụi đã mãn).

- Phần 2: Bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 đóng được 28 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 29 vào ngày 20-01-2023 âm lịch, bà T2 và chị T3 hốt hụi được số tiền là 73.600.000 đồng. Khi hốt hụi xong bà T2 và chị T3 đóng được 02 lần hụi chết, còn lại 21 lần hụi chết không đóng nữa. Phần này, bà T2 và chị T3 còn nợ 21 lần hụi chết với tổng số tiền là 42.000.000 đồng (hụi đã mãn).

Như vậy, ở dây hụi này, bà Lâm Thị T2 và chị Nguyễn Thị Huyền T3 còn thiếu chủ hụi bà M, ông T số tiền hụi là 84.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Lâm Thị T2, bà Nguyễn Thị Huyền T3 trả số tiền hụi của dây hụi thứ nhất (mở ngày 20-10-2019 âm lịch) là 26.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 20%/năm, từ ngày 30-02-2023 âm lịch đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 30-11-2024 âm lịch là 9.100.000 đồng.

- Buộc bà Lâm Thị T2, bà Nguyễn Thị Huyền T3 trả số tiền của dây hụi thứ hai (mở ngày 10-8-2020 âm lịch) là 84.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức

lãi suất là 20%/năm, từ ngày 20-3-2023 âm lịch đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 20-11-2024 âm lịch là 28.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu bà T2 và bà T3 phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M là 147.100.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Thị T2 trình bày và yêu cầu phản tố như sau:

Bà Lâm Thị T2 không thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì, vào năm 2019, bà có tham gia 02 dây hụi do ông T4 và bà M làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

Dây 1: Mở ngày 20-10-2019 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 54 phần, bà T2 tham gia 02 phần.

+ Phần 1: Bà T2 đóng được 07 lần hụi sống, đến lần thứ 08 vào ngày 30-5-2020 (âm lịch), bà hốt hụi được số tiền là 77.600.000 đồng. Khi hốt hụi xong, bà đóng tiếp được 43 lần hụi chết, đến ngày 30-02-2023 (âm lịch), bà còn 11 lần hụi chết chưa đóng do xảy ra tranh chấp với chủ hụi về hợp đồng hụi tại Dây hụi 1, phần 2, lần khui hụi thứ 43.

+ Phần 2: Bà T2 đóng được 42 lần hụi sống, đến lần khui hụi thứ 43 vào ngày 30-02-2023 (âm lịch), như thường lệ, trong các thành viên góp hụi, ai bỏ hụi số tiền lớn nhất thì được hốt, bà bỏ hụi số tiền là 1.500.000 đồng là cao nhất trong các thành viên góp hụi, nếu được hốt số tiền là 84.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà M và ông T không nêu ra được lý do gì, cũng không cho bà hốt số tiền hụi lần thứ 43. Do đó, bà đã không góp tiếp các dây hụi khác do bà M và ông T không làm đúng với thỏa thuận khui hụi mà các thành viên góp hụi đề ra, hai bên đã xảy ra tranh chấp hợp đồng góp hụi từ lần khui hụi này.

Dây 2: Ngày 10-8-2020 âm lịch, bà M và ông T có mở 01 dây hụi, 01 tháng khui 01 lần, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 52 phần, bà Lâm Thị T2 tham gia 02 phần. Bà thống nhất theo nguyên đơn trình bày.

Ngoài ra, ở 02 dây hụi này bà Lâm Thị T2 là người trực tiếp đứng tên và tham gia hụi, không liên quan gì đến con của bà là Nguyễn Thị Huyền T3.

Theo đơn phản tố, bị đơn bà Lâm Thị T2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T cho bà hốt hụi ở dây hụi 1, phần 2, lần khui hụi thứ 43 vào ngày 30-02-2023 âm lịch với số tiền được nhận là 84.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30-02-2023 âm lịch đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 30-4-2025 là 36.400.000 đồng. Tổng số tiền hốt hụi và lãi tạm tính là 120.400.000 đồng.

Nếu bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T thực hiện đúng với thỏa thuận khui hụi của các hụi viên đề ra, cho bà Lâm Thị T2 hốt số tiền của dây hụi 1, phần 2 như nêu trên thì bà T2 đồng ý sẽ hoàn thành các hụi chết còn lại.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T3: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Huyền T3. Tuy nhiên, chị T3 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất chậm góp hụi chết, yêu cầu theo quy định của pháp luật là 10%/năm, so với yêu cầu ban đầu là 20%/năm.

- Bị đơn bà Lâm Thị T2 giữ nguyên yêu cầu phản tố.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, về việc chấp hành quy định của pháp luật tố tụng đối với những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lâm Thị T2 có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T số tiền hụi chết chưa góp là 108.000.000 đồng, lãi chậm góp hụi chết là 25.955.760 đồng, tổng cộng là 133.955.760 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc các nguyên đơn bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bị đơn bà Lâm Thị T2 số tiền hụi đã góp là 49.718.400 đồng và tiền lãi hụi được hưởng 42 kỳ là 31.144.800 đồng, tổng cộng là 80.863.200 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu còn lại của nguyên đơn, bị đơn và tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ; yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố đều buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng góp hụi. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ) có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất chậm góp hụi chết, yêu cầu theo quy định pháp luật là 10%/năm, là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận sự thay đổi yêu cầu này, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn ở dây hụi ngày 10-8-2020 âm lịch:

[5] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày sự việc giữa hai bên có xác lập giao dịch, dây hụi này 01 tháng khui 01 lần, hụi 2.000.000 đồng, có 52 phần,

bà Lâm Thị T2 tham gia 02 phần, gồm:

[6] - Phần 1: Bà Lâm Thị T2 góp được 27 lần hụi sống, đến lần khui hụi thứ 28 vào ngày 20-12-2022 âm lịch, bà T2 hốt hụi được số tiền 75.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T2 góp lại được 03 lần hụi chết, còn lại 21 lần hụi chết với số tiền là 42.000.000 đồng chưa góp.

[7] - Phần 2: Bà Lâm Thị T2 góp được 28 lần hụi sống, đến lần khui hụi thứ 29 vào ngày 20-01-2023 âm lịch, bà thủy hốt hụi được số tiền 73.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T2 góp lại được 02 lần hụi chết, còn lại 21 lần hụi chết với số tiền là 42.000.000 đồng chưa góp.

[8] Mặc dù thời gian khui hụi chưa chính xác (hụi mở ngày 10-8-2020 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, thì kỳ khui 28 là ngày 10-11-2022, kỳ khui 29 là ngày 20-12-2022). Tuy nhiên, ở dây hụi này, hai bên tham gia giao dịch đã thống nhất với nhau về số kỳ hụi chết và số tiền hụi chết mà bị đơn chưa góp. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hụi đã mãn nên nguyên đơn (chủ hụi) yêu cầu bị đơn (hụi viên) trả số tiền hụi chết chưa góp, phù hợp quy định tại Điều 16, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên yêu cầu này được HĐXX chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn ở dây hụi ngày 20-10-2019 âm lịch:

[10] Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất trình bày sự việc giữa hai bên có xác lập giao dịch góp hụi ngày 20-10-2019 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, hụi 2.000.000 đồng, có 54 phần, bà Lâm Thị T2 tham gia 02 phần. Tuy nhiên, về diễn biến quá trình góp hụi sống, hốt hụi, góp hụi chết và số tiền còn nợ lẫn nhau thì hai bên chưa thống nhất được. Cụ thể như sau:

[11] * Phần 1: Bà Lâm Thị T2 góp được 07 lần hụi sống, đến lần khui hụi thứ 08 vào ngày 30-5-2020 âm lịch, bà T2 hốt được 77.600.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng sau khi hốt hụi, bà T2 góp hụi chết được 33 lần nữa thì ngưng (tức là góp đến lần khui thứ 41), còn nợ 13 lần hụi chết. Bị đơn bà T2 cho rằng sau khi hốt hụi, bà góp hụi chết được đến lần khui thứ 43 thì ngưng, còn nợ 11 lần hụi chết. HĐXX xét thấy dây hụi này mở và khui hụi theo âm lịch, hụi mở ngày 20-10-2019 âm lịch thì đến lần khui thứ 08 vào ngày 20-5-2020 âm lịch bà T2 hốt hụi, giao hụi vào ngày 30-5-2020 âm lịch là đúng.

[12] Tại phiên tòa, bị đơn bà T2 xác định lại lần khui thứ mấy thì bà không nhớ nhưng bà góp các dây hụi của bà M đến tháng 02 trước của năm 2023 âm lịch, đến lần khui tháng 02 sau năm 2023 âm lịch thì phát sinh tranh chấp. Điều này cũng phù hợp với diễn biến dây hụi ngày 10-8-2020 âm lịch nêu trên mà các bên đã thống nhất được. Bởi vì, trong âm lịch năm 2020 nhuận tháng 06 và năm 2023 nhuận tháng 02, nên tính đến ngày 30-02-2023 âm lịch (tháng 02 trước) phải là lần khui hụi thứ 42. Từ đó, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về diễn biến quá trình góp hụi ở phần này đều không phù hợp, ở dây hụi này bà T2 góp hụi 42 kỳ thì còn nợ lại chủ hụi 12 lần hụi chết, số tiền 24.000.000 đồng.

[13] * Phần 2: Nguyên đơn cho rằng bà T2 chỉ góp được 41 lần hụi sống, đến lần khui hụi thứ 42 vào tháng 02 trước năm 2023 âm lịch thì không góp. Tuy nhiên, như phân tích năm 2020 âm lịch nhuần tháng 06. Đồng thời, tại dây hụi mở ngày 10-8-2020 âm lịch, nguyên đơn cũng trình bày là bà T2 đều góp hụi chết đến kỳ khui hụi tháng 02 sau của năm 2023 âm lịch thì mới ngưng. Ngoài ra, không có chứng cứ nào khác chứng minh bà T2 chỉ góp hụi đến lần khui thứ 41 như nguyên đơn trình bày. Do đó, căn cứ vào chứng cứ hiện có và lời thừa nhận của nguyên đơn, HĐXX có cơ sở xác định ở phần hụi này bà T2 đã góp hụi sống đến lần khui hụi thứ 42, ngày 30-02-2023 âm lịch (tháng 02 trước).

[14] Ở phần hụi thứ 2 của dây hụi này, bị đơn bà T2 cho rằng vào kỳ khui hụi thứ 43, bà T2 bỏ lãi 1.500.000 đồng là cao nhất nhưng chủ hụi không cho hốt hụi nên bà ngưng góp hụi từ đó. Ngược lại, nguyên đơn cho rằng bà T2 tham gia 02 chân hụi, đã hốt 01 chân nên theo thỏa thuận của dây hụi và tập quán giao dịch về hụi thì bà T2 phải dằn lại, để cho những người tham gia 01 chân hụi hốt trước. Tuy nhiên, theo sổ sách và hợp đồng giao dịch tiền hụi mà nguyên đơn cung cấp thì thỏa thuận ghi rõ: "*khui lúc 12 giờ. Trong thời gian khui hụi phải giữ kín, ai bỏ thăm cao thì được hốt*". Đồng thời, xem xét lịch sử hốt hụi của các hụi viên khác thì vẫn có trường hợp hụi viên tham gia nhiều chân hụi được hốt hụi ở các lần khui hụi liền kề như "Năm Hên", "Ba Rơi" (Bút lụt 50). Do đó, lập luận và giải thích của nguyên đơn ở phần này là không phù hợp.

[15] Điểm d khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định thành viên trong hụi (họ) có lãi có quyền: "*Hưởng lãi từ thành viên lĩnh họ*". Trong trường hợp này, bà Lâm Thị T2 đã góp hụi sống hợp lệ được 42 kỳ nên có quyền hưởng lãi từ các thành viên đã hốt hụi (lĩnh họ) trong 42 kỳ đó. Hiện nay, dây hụi đã khui đến mãn mà không bị bể hụi hay ngưng hụi, nếu chỉ trả tiền hụi thực góp cho hụi viên đã góp hụi sống thì phần lãi hụi đã bỏ ra này do chủ hụi được hưởng là không phù hợp với thỏa thuận về hụi. Vì vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn trả số tiền hụi đã góp và hưởng lãi từ các thành viên đã hốt hụi là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[16] Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường có quy định: *"Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó".* Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

[17] Tại Danh sách kêu hụi của dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 20-10-2019 âm lịch (Bút lục 50), đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã cung cấp được lịch sử kêu hụi, số tiền hụi đã góp của 41 kỳ khui hụi; riêng kỳ 42 không đương sự nào

cung cấp được nên tính theo quy định của pháp luật. Trong đó, mức lãi suất đưa ra tại các kỳ khui thứ 26 và các kỳ khui thứ 34 - 36 và 38 - 41 là vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định nêu trên, nên phần lãi vượt quá không có hiệu lực, được điều chỉnh ở mức 20%/năm của tổng giá trị các phần hụi phải góp trừ đi giá trị các phần hụi đã góp trên thời gian còn lại của dây hụi. Yêu cầu phản tố của bị đơn về phần lãi hụi có cơ sở để chấp nhận một phần.

[18] Cụ thể, ở kỳ khui thứ 26, lãi suất do thành viên đưa ra là 1.200.000 đồng, lãi quy định là 962.800 đồng; kỳ 34 lãi đưa ra 1.350.000 đồng, theo quy định 697.200 đồng; kỳ 35 lãi đưa ra 1.150.000 đồng, theo quy định 664.000 đồng; kỳ 36 lãi đưa ra 650.000 đồng, theo quy định 630.800 đồng; kỳ 38 lãi đưa ra 1.100.000 đồng, theo quy định 564.400 đồng; kỳ 39 lãi đưa ra 1.100.000 đồng, theo quy định 531.200 đồng; kỳ 40 lãi đưa ra 900.000 đồng, theo quy định 498.000 đồng; kỳ 41 lãi đưa ra 700.000 đồng, theo quy định 464.800 đồng.

[19] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi chậm góp hụi:

[20] Khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường có quy định: "*Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi [..] Trường hợp họ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với họ có lãi*".

[21] Ở dây hụi mở ngày 10-8-2020 âm lịch, bị đơn bà Lâm Thị T2 đã chậm góp hụi chết từ kỳ khui hụi 32 (ngày 20-3-2023 âm lịch), số tiền chậm góp 84.000.000 đồng. Ở dây hụi mở ngày 20-10-2019 âm lịch, bị đơn bà Lâm Thị T2 đã chậm góp hụi chết ở chân hụi thứ nhất từ ngày 30-02-2023 âm lịch, số tiền chậm góp là 22.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm góp tiền hụi chết, bị đơn không đồng ý vì cho rằng do chủ hụi không cho hốt hụi nên bà ngưng góp hụi chết ở tất cả chân hụi mà mình tham gia. HĐXX xét thấy các dây hụi được lập là các hợp đồng, giao dịch dân sự riêng biệt, phát sinh quyền và nghĩa vụ riêng. Việc bà T2 là hụi viên ngưng góp hụi chết của dây hụi nào thì phải trả lãi chậm góp cho dây hụi đó theo quy định của pháp luật. Do không có thỏa thuận, mức lãi suất chậm góp áp dụng là 10%/năm, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[22] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tính lãi chậm giao tiền hụi: Ở phần hụi thứ 2, dây hụi mở ngày 20-10-2019 âm lịch, bà Lâm Thị T2 đã góp hụi sống được 42 kỳ và đã được chấp nhận đối với yêu cầu trả lại tiền hụi đã góp cùng với lãi hụi được hưởng từ các hụi viên. Do tại phần hụi này, bà T2 không được hốt hụi nên dẫn đến tranh chấp, chưa làm phát sinh nghĩa vụ giao tiền hụi của chủ hụi. Vì vậy, không có căn cứ để yêu cầu trả lãi chậm giao tiền hụi theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên HĐXX không chấp nhận.

[23] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị Nguyễn Thị Huyền T3 có trách nhiệm liên đới cùng bà Lâm Thị T2 trả số tiền hụi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đương sự đều trình bày việc xác lập giao dịch về hụi, góp hụi sống, bỏ lãi, lĩnh hụi, góp hụi chết đều do bị đơn bà Lâm Thị T2 thực hiện, chị

Nguyễn Thị Huyền T3 không trực tiếp tham gia. Nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị Huyền T3 phải liên đới cùng bà Lâm Thị T2 trả tiền hụi cho mình nhưng không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh thực tế chị T3 có xác lập giao dịch và nhận tiền hụi; không có căn cứ phát sinh nghĩa vụ liên đới của chị T3 nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[24] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn đều có căn cứ để chấp nhận một phần; đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

[25] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, nhưng do bị đơn bà Lâm Thị T2 là người cao tuổi nên được miễn nộp, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 2 Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lâm Thị T2 có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T số tiền hụi chết chưa góp là 108.000.000 đồng, lãi chậm góp hụi chết là 25.955.760 đồng, tổng cộng là 133.955.760 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lâm Thị T2 trả số tiền hụi chết 2.000.000 đồng, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T3 có trách nhiệm cùng trả tiền hụi.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Thị T2.

Buộc các nguyên đơn bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bị đơn bà Lâm Thị T2 số tiền hụi đã góp là 49.718.400 đồng và tiền lãi hụi được hưởng 42 kỳ là 31.144.800 đồng, tổng cộng là 80.863.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Thị T2 về việc buộc nguyên đơn trả số tiền hụi đã góp, lãi hụi được hưởng và tiền lãi chậm trả tiền là 24.192.240 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.343.160 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.677.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009822 ngày 20-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn T còn phải nộp 666.160 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà Lâm Thị T2 được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm